

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Chung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Ngọc Hải;

Ông Bùi Văn Khương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Long Bảo - Thư ký Toà án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Lệ Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2022/TLST-HS ngày 24 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo:

NTTH, sinh ngày 23 tháng 8 năm 1969 tại Hải Phòng. Nơi ĐKKHKT: Số 25/18 A, phường B (nay là phường C), quận D, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Số 3/27 A, phường B (nay là phường C), quận D, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông E và bà F (đã chết); có chồng là G (đã chết) và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 08-6-2021, chuyển tạm giam từ ngày 17-6-2021 - Có mặt.

- Bị hại: Bà BH, sinh năm 1970; nơi cư trú: Thôn H, xã I, huyện H, thành phố Hải Phòng - Có mặt.

- Người làm chứng:

1. Bà NLC1 - Có mặt.

2. Bà NLC2 - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2017, NTTH (viết tắt là NTTH) có nhận chuyển nhượng đất và xây dựng căn nhà 05 tầng tại địa chỉ số 3/27 A, phường B (nay là phường C), quận D, thành phố Hải Phòng và được Ủy ban nhân dân quận D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (gọi tắt GCN) số CG 762475 ngày 15-5-2017 cho NTTH. Ngày 09-7-2018, NTTH chuyển nhượng nhà đất nêu trên cho bà NLC2 (viết tắt là NLC2), sinh năm 1969, nơi cư trú: Số 14/37 J, phường K, quận L, thành phố Hải Phòng theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 1298, quyền sở 01 và Văn bản cam kết chuyển nhượng nhà số 1804 quyền sở 02 do Văn phòng công chứng số 5 thành phố Hải Phòng chứng nhận. Ngày 23-11-2018, Văn phòng đăng ký đất đai - Sở Tài nguyên và môi trường Hải Phòng chi nhánh D xác nhận: Sang tên tại trang 3 của GCN số CG 762475 cho bà NLC2 là chủ sở hữu. Sau đó, bà NLC2 cho NTTH thuê lại để ở và sinh hoạt tại nhà số 3/27 A, phường C, quận D (gọi tắt là nhà số 3/27 A). Đến khoảng tháng 6 năm 2020, NTTH có nói chuyện với bà BH (viết tắt là BH), sinh năm 1970, nơi cư trú: Thôn H, xã I, huyện H, thành phố Hải Phòng (là bạn xã hội quen biết nhau từ năm 2019) có nhu cầu bán nhà số 3/27 A và thống nhất giá trị chuyển nhượng với số tiền là 900.000.000 (chín trăm triệu) đồng. Để tạo niềm tin cho bà BH, NTTH đưa cho bà BH 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 762475 bản phô tô do NTTH đứng tên (giấy chứng nhận cũ chưa có sự thay đổi sang tên cho bà NLC2), 01 Sổ hộ khẩu, 01 Chứng minh nhân dân phô tô mang tên NTTH (NTTH không nói cho bà BH biết căn nhà trên đã bán cho người khác) mà chỉ nói cho bà BH biết hiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính nhà số 3/27 A đang cầm cố cho người khác. Do tin tưởng nhà đất này là của NTTH nên bà BH đồng ý mua và thỏa thuận với NTTH đến ngày 27-7-2020 làm thủ tục đặt cọc. Đến chiều ngày 27-7-2020, bà BH đến nhà bà NLC1, sinh năm 1959, địa chỉ: Thôn M, xã I, huyện H, thành phố Hải Phòng để lấy số tiền mà trước đó bà BH cho bà NLC1 vay để làm thủ tục đặt cọc. Bà NLC1 trả cho bà BH 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng và để túi tiền vào trong cốp xe mô tô của bà BH. Lúc này, bà BH bảo bà NLC1 đi cùng đến nhà số 3/27 A gặp NTTH để làm thủ tục đặt cọc mua nhà. Tại tầng 02 nhà số 3/27 A, bà BH đưa cho NTTH số tiền mà bà NLC1 trả và bảo “bạn đếm đi”. Trong lúc NTTH đếm tiền thì bà BH lấy giấy ra viết Giấy thỏa thuận mua bán chuyển nhượng nhà, đất (mẫu Giấy thỏa thuận do bà BH mang theo) với nội dung: *NTTH bán căn nhà 05 tầng tại số 3/27 A, phường B, quận D, thành phố Hải Phòng cho bà BH với giá 900.000.000 (chín trăm triệu) đồng, đặt cọc số tiền 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng; số tiền còn lại 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng hẹn ngày 31-7-2020 sẽ thanh toán hết cho NTTH. Đồng thời bên bán phải hoàn tất thủ tục giấy tờ và giao lại cho bên mua và*

bàn giao nhà, đất trên cho bên mua, bên mua được toàn quyền sử dụng”. Sau khi viết Giấy thỏa thuận xong, bà BH đưa cho NTTH đọc và NTTH ký, ghi họ tên với dòng chữ *“tôi đã nhận đủ (400.000.000) bốn trăm triệu chẵn”* vào mục bên bán, bà BH ký vào mục bên mua, bà NLC1 ký vào mục người làm chứng rồi bà BH và bà NLC1 đi về, còn tiền NTTH để dưới gầm bàn tại tầng 2 nhà số 3/27 A. Đến ngày 31-7-2020, theo lịch hẹn, bà BH một mình đi đến số nhà 3/27 A để làm thủ tục, hợp đồng mua bán nhà với NTTH, thời điểm này có NTTH và bà NLC2 (sau này bà BH mới biết bà NLC2). Tại đây, bà NLC2 bảo bà BH nhà số 3/27 A, NTTH đã chuyển nhượng cho bà NLC2, nếu bà BH muốn mua thì đưa đủ cho bà NLC2 900.000.000 (chín trăm triệu) đồng nhưng bà BH không đồng ý vì trước đó bà BH đã thỏa thuận mua bán và đặt cọc cho NTTH số tiền 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng; theo thỏa thuận với NTTH thì bà BH chỉ tiếp tục trả số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng nhưng bà NLC2 không đồng ý. Bà BH có nói với NTTH *“thế thì bạn lừa tớ rồi”* rồi đi về. Ngày 03-8-2020, bà BH có liên hệ Văn phòng công chứng N địa chỉ: Số 290 O, xã I, huyện H, thành phố Hải Phòng để tra cứu thông tin bất động sản đối với nhà, đất tại địa chỉ số 3/27 A thì được biết đất và nhà trên đã được chuyển nhượng cho bà NLC2 vào năm 2018. Ngày 04-8-2020, NTTH gửi vào tài khoản Zalo cho bà BH 03 hình ảnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 762475 đã sang tên tại trang 03 cho NLC2 vào ngày 23-11-2018 (do bà NLC2 chụp gửi vào Zalo cho NTTH vào ngày 04-8-2020). Do NTTH không trả lại số tiền 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng đã đặt cọc cho bà BH và bỏ trốn nên bà BH làm đơn trình báo Cơ quan Công an.

Tại Kết luận giám định số 38/KLGD ngày 25-3-2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên *“Ng Thị NTTH”* tại mục *“Bên bán”* trên tài liệu cần giám định (Ký hiệu: A) so với chữ ký, chữ viết mang tên *“NTTH”* trên các tài liệu mẫu so sánh (Ký hiệu: M1, M2) là chữ ký, chữ viết của cùng một người.”.

Tại Kết luận giám định số 91/KLGD ngày 18-6-2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận: Chữ viết có nội dung *“Tôi đã nhận đủ (400.000.0000) bốn trăm triệu chẵn”* trên tài liệu cần giám định (Ký hiệu: A) so với chữ viết của *“NTTH”* trên tài liệu mẫu so sánh (Ký hiệu: M) là chữ viết của cùng một người. Đối với giám định chữ ký, chữ viết tại các mục *“Bên bán”*, *“Người làm chứng”*, *“Bên mua”* so với chữ viết tại các mục in sẵn trên Giấy thỏa thuận mua bán chuyển nhượng nhà, đất (tài liệu cần giám định ký hiệu: A) có được viết ra cùng thời điểm không? Hiện nay, Phòng Kỹ thuật hình sự chưa giải quyết được các yêu cầu về giám định thời gian viết trên tài liệu.”.

Tại Kết luận giám định số 368/KLGD ngày 07-9-2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận: Trong mẫu giám định ký hiệu A1:

+ *Tìm thấy: 02 cuộc hội thoại bằng ứng dụng Zalo với người dùng có tên hiển thị là “P” và người dùng có tên: “Q” được lưu trong máy. Nội dung các tin nhắn được lưu trong thư mục có tên “A” lưu trong đĩa CD kèm theo.*

Qua kiểm tra nội dung tin nhắn thể hiện vào ngày 04-8-2020 bà NLC2 gửi 03 hình ảnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã sang tên tại trang 03 cho bà NLC2 vào tài khoản zalo cho NTTH, sau đó NTTH chuyển lại vào tài khoản zalo cho bà BH 03 hình ảnh trên.

+ *Không tìm thấy tin nhắn trên điện thoại đến số “0943194588” và số “0762453755”.*

Ngày 08-6-2021, NTTH bị bắt theo Quyết định truy nã số 09 ngày 05-5-2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hồng Bàng. Thu giữ của NTTH 01 điện thoại di động Iphone có số IMEI: 359180076198164 và 01 Căn cước công dân mang tên NTTH.

Tại Cáo trạng số 08/CT-VKSHB ngày 19-01-2022, Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng truy tố NTTH về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Bà BH yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng mà bà BH đã đặt cọc mua nhà số 3/27 A.

Về tài sản, vật chứng: 01 điện thoại di động Iphone và 01 Căn cước công dân mang tên NTTH chuyển Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng thực hành quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đánh giá các tình tiết của vụ án, vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174, Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt: NTTH từ 11 năm đến 12 năm tù. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải trả lại cho bị hại số tiền 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng mà bà bị hại đã đặt cọc mua nhà số 3/27 A.

Về xử lý tài sản, vật chứng: Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động Iphone và 01 Căn cước công dân mang NTTH do không liên quan đến hành vi phạm tội.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 1 Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2015/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí

Toà án: Buộc bị cáo NTTH phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Đối với tố giác của bà R: Trong vụ án này, Cơ quan điều tra còn nhận được Đơn tố giác của bà R về hành vi NTTH lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà R. Quá trình xác minh, lấy lời khai của bà R và của NTTH nhận thấy: Giữa bà R và NTTH có quan hệ vay mượn tiền bằng hình thức bốc bát họ, việc vay mượn chỉ có bà R và NTTH. Trong quá trình cho NTTH vay mượn tiền đến nay bà R cho rằng NTTH còn nợ bà R số tiền 1.140.000.000 (một tỷ một trăm bốn mươi triệu) đồng. Để đảm bảo cho các khoản vay này, bà R viết Giấy cam kết vay, bán nhà số 3/27 A và đưa cho NTTH ký. Tuy nhiên, sau đó NTTH không trả được nợ và cũng không bán nhà cho bà R nên bà R tìm hiểu qua Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh quận D thì được biết căn nhà số 3/27 A không còn của NTTH nhưng ngày 14-5-2020, bà R vẫn yêu cầu NTTH viết giấy cam kết đưa bìa đồ là để buộc NTTH có trách nhiệm trả nợ số tiền đã vay của bà R. Do vậy, chưa đủ căn cứ thể hiện NTTH chiếm đoạt số tiền trên của bà R nên không xem xét xử lý hình sự đối với hành vi này của NTTH.

Tại phiên tòa, bị hại là bà BH đề nghị xem xét về hành vi của bị cáo NTTH lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà BH và yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng như nội dung cáo trạng đã truy tố và luận tội của đại diện Viện Kiểm sát. Đối với thỏa thuận khác trong Giấy thỏa thuận mua bán chuyển nhượng nhà, đất giữa NTTH và bà BH sẽ được xem xét, giải quyết trong vụ án khác khi có yêu cầu.

Tại phiên tòa, NTTH chỉ thừa nhận sự việc như sau: Trước ngày 27-7-2020, NTTH có đưa cho bà BH 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 762475 bản phô tô do NTTH đứng tên (giấy chứng nhận cũ không có sự thay đổi sang tên cho bà NLC2), 01 Sổ hộ khẩu, 01 chứng minh nhân dân phô tô mang tên NTTH (bà BH yêu cầu đưa còn bà BH dùng làm gì NTTH không biết), giữa NTTH và bà BH có việc giao dịch mua bán nhà, đất số 3/27 A vào ngày 31-7-2020, còn vào ngày 27-7-2020 là do bà BH nhờ NTTH ký nhận và viết: Tôi nhận đủ (400.000.000) bốn trăm triệu chẵn vào mục bên bán tại Giấy thỏa thuận mua bán chuyển nhượng nhà, đất được lập giữa NTTH với bà BH và có sự chứng kiến của bà NLC1 là để bà BH đòi nợ tiền của bà NLC1. NTTH thừa nhận có cầm và đếm số tiền 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng mà bà BH đưa nhưng sau đó NTTH đã đưa lại cho bà BH cầm về. Việc ký vào Giấy thỏa thuận mua bán chuyển nhượng nhà, đất tại thời điểm đó không có mặt bà NLC1 là người làm chứng. Ngoài ra, NTTH khai có vay tiền họ, vay lãi tháng của bà BH (do NTTH tự viết ra giấy không có chữ ký của bà BH). Bị cáo không thừa nhận hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị hại và luận tội của đại diện Viện Kiểm sát.

Tại phiên tòa, bị hại không thừa nhận việc cho bị cáo vay tiền họ, vay lãi tháng như lời khai của bị cáo; không có ý kiến tranh luận với Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về tài liệu, chứng cứ Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Hồng Bàng, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, Kiểm sát viên thu thập; bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu đã thu thập, cung cấp. Do đó, những chứng cứ, tài liệu trong vụ án đều hợp pháp.

[2] *Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hồng Bàng, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, Kiểm sát viên:* Trong quá trình điều tra, truy tố của cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Vì vậy, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về nhận định các tình tiết của vụ án:

[3] *Về tội danh:* Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận trước ngày 27-7-2020 có đưa cho bà BH 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 762475 bản phô tô do NTTH đứng tên (giấy chứng nhận cũ không có sự thay đổi sang tên cho bà NLC2), 01 Sổ hộ khẩu, 01 chứng minh nhân dân phô tô mang tên NTTH (bà BH yêu cầu đưa còn bà BH dùng làm gì NTTH không biết), giữa NTTH và bà BH có việc giao dịch mua bán nhà, đất số 3/27 A vào ngày 31-7-2020, còn vào ngày 27-7-2020 là do bà BH nhờ NTTH ký nhận và viết: Tôi nhận đủ (400.000.000) bốn trăm triệu chẵn vào mục bên bán tại Giấy thỏa thuận mua bán chuyển nhượng nhà, đất được lập giữa NTTH với bà BH và có sự chứng kiến của bà NLC1 là để bà BH đòi nợ tiền của bà NLC1. NTTH thừa nhận có cầm và đếm số tiền 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng mà bà BH đưa nhưng sau đó NTTH đã đưa lại cho bà BH cầm về. Việc ký vào Giấy thỏa thuận mua bán chuyển nhượng nhà, đất tại thời điểm đó không có mặt bà NLC1 là người làm chứng. Ngoài ra, NTTH khai có vay tiền họ, vay lãi tháng của bà BH (do NTTH tự viết ra giấy không có chữ ký của bà BH). Tuy nhiên, NTTH không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời khai

của mình về việc bị hại BH nhờ NTTH ký Giấy thỏa thuận mua bán chuyển nhượng nhà, đất và đã đưa lại số tiền 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng cho bà BH. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hồng Bàng tiến hành cho bị cáo và bị hại đối chất nhưng bị cáo và bị hại vẫn giữ nguyên lời khai. Việc bị cáo khai bị hại nhờ ký Giấy thỏa thuận mua bán chuyển nhượng nhà, đất nhằm mục đích đòi tiền bà NLC1 nhưng trên thực tế khi bà BH liên hệ với bà NLC1 về việc đề nghị trả tiền đã vay trước đó để nhận chuyển nhượng nhà, đất với bị cáo, bà NLC1 đã đồng ý và thực tế đã chuyển số tiền 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng cho bà BH. Như vậy, việc bà BH đòi tiền bà NLC1 đã được thực hiện. Bị cáo khai sau đó đã đưa lại số tiền 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng cho bị hại nhưng không có giấy tờ chứng minh, thời điểm đó, bà NLC1 có mặt và thừa nhận có ký vào Giấy thỏa thuận mua bán chuyển nhượng nhà, đất với tư cách người làm chứng trước mặt NTTH và bà BH. Ngoài ra, bà NLC1 không nhìn thấy việc bị cáo đã đưa lại số tiền 400.000.000 đồng cho bị hại. Mặt khác, nếu đây chỉ là giao dịch giữa bị cáo và bị hại nhằm để đòi tiền bà NLC1 thì tại sao ngày 31-7-2020, bị hại vẫn đến số 3/27 A để thực hiện việc hoàn thiện thủ tục chuyển nhượng theo lịch hẹn trong Giấy thỏa thuận mua bán chuyển nhượng nhà, đất. Vào ngày 31-7-2020, có sự chứng kiến của bà NLC2, giữa bị cáo, bị hại và bà NLC2 vẫn có sự trao đổi, thỏa thuận về việc chuyển nhượng. Khi không đạt được thỏa thuận, bị hại nói với bị cáo “Như vậy là bạn lừa tó rồi”. Đồng thời, trong quá trình trao đổi với bị hại, bị cáo chỉ nói nhà số 3/27 A chỉ cầm cố chưa người khác, trong khi đó bị cáo đã thực hiện việc chuyển nhượng nhà đất nêu trên cho bà NLC2 từ năm 2018 và đã sang tên cho bà NLC2. Do đó, lời khai của bị cáo tại phiên tòa không có cơ sở chấp nhận. Căn cứ vào lời khai của bị hại, của người làm chứng; các Kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ kết luận bị cáo bằng thủ đoạn gian dối như đã nêu trên đã chiếm đoạt số tiền 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng của bị hại. Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[4] Tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ và gây mất trị an, an toàn xã hội. Bởi vậy, cần phải xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật, để giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung.

[5] *Về tình tiết định khung hình phạt:* Bị cáo bằng thủ đoạn gian dối đã chiếm đoạt số tiền 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng của bị hại. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự như cáo trạng Viện Kiểm sát đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[6] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Trong giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên không được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s

khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo không chứng minh được các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào khác.

[7] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[8] *Về hình phạt:*

[8.1] *Về hình phạt chính:* Trên cơ sở đánh giá đầy đủ tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, mục đích của hình phạt, nguyên tắc xử lý đối với người phạm tội. Xét thấy, bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, nhận thức được hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ cá nhân, muốn chiếm đoạt tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ để sử dụng vào mục đích riêng. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân và gây mất trị an, an toàn xã hội. Do vậy, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tù thích hợp mới đảm bảo quy định của pháp luật nhằm trừng trị người phạm tội, giáo dục họ có ý thức tuân theo pháp luật, ngăn ngừa bị cáo phạm tội mới và đấu tranh phòng ngừa các hành vi vi phạm pháp luật. Do vậy, áp dụng hình phạt như đề nghị của Viện Kiểm sát là có cơ sở.

[8.2] *Về hình phạt bổ sung:* Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng. Xét thấy, bị cáo không có việc làm ổn định, không có căn cứ thể hiện bị cáo có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo như đề nghị của Viện Kiểm sát là có cơ sở.

[9] *Về trách nhiệm dân sự:* Trong giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị hại yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng mà bị hại đã đặt cọc cho bị cáo. Xét thấy, bị cáo đã thực hiện hành vi gian dối chiếm đoạt số tiền nêu trên của bị hại. Do vậy, buộc bị cáo phải trả lại số tiền 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng mà bị cáo đã chiếm đoạt theo đề nghị của Viện Kiểm sát và của bị hại là có cơ sở.

[10] *Về xử lý tài sản, vật chứng:* Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động Iphone có số Imei: 359180076198164 kèm theo 01 sim (đã qua sử dụng) và 01 Căn cước công dân số 031169007044 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp mang tên NTTH do không liên quan đến hành vi phạm tội.

[11] *Về các vấn đề khác:* Đối với tố giác của bà R: Trong vụ án này, Cơ quan điều tra còn nhận được Đơn tố giác của bà R về hành vi NTTH lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà R. Quá trình xác minh, lấy lời khai của bà R và của NTTH nhận thấy: Giữa bà R và NTTH có quan hệ vay mượn tiền bằng hình thức bốc bát họ, việc vay mượn chỉ có bà R và NTTH. Trong quá trình cho NTTH vay mượn tiền

đến nay bà R cho rằng NTTH còn nợ bà R số tiền 1.140.000.000 (một tỷ một trăm bốn mươi triệu) đồng. Để đảm bảo cho các khoản vay này, bà R viết Giấy cam kết vay, bán nhà số 3/27 A và đưa cho NTTH ký. Tuy nhiên, sau đó NTTH không trả được nợ và cũng không bán nhà cho bà R nên bà R tìm hiểu qua Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh quận D thì được biết căn nhà số 3/27 A không còn của NTTH nhưng ngày 14-5-2020, bà R vẫn yêu cầu NTTH viết giấy cam kết đưa bìa đỏ là để buộc NTTH có trách nhiệm trả nợ số tiền đã vay của bà R. Do vậy, chưa đủ căn cứ thể hiện NTTH chiếm đoạt số tiền trên của bà R nên không xem xét xử lý hình sự đối với hành vi này của NTTH như đề nghị của Viện Kiểm sát là có căn cứ.

[12] *Về án phí và quyền kháng cáo đối với bản án*: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174, Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt: Bị cáo NTTH 11 (mười một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 08-6-2021.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 357, Điều 468, Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo NTTH phải trả cho bị hại là bà BH số tiền 400.000.000 (*bốn trăm triệu*) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 1 Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2015/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo NTTH phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 20.000.000 (*hai mươi triệu*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Về xử lý tài sản, vật chứng: Căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại cho NTTH 01 điện thoại di động Iphone có số Imei: 359180076198164 kèm theo 01 sim (đã qua sử dụng) đã được niêm phong trong phong bì thư có dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng và chữ ký của những

người có liên quan; 01 Căn cước công dân số 031169007044, ngày 24-8-2020 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp do không liên quan đến hành vi phạm tội.

(Đặc điểm vật chứng theo Biên bản giao, nhận vật chứng giữa Công an quận Hồng Bàng và Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng ngày 21-01-2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng)

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- PV 06 Công an TP. Hải Phòng;
- CA quận Hồng Bàng;
- Cơ quan THAHS Công an quận Hồng Bàng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- UBND nơi cư trú của bị cáo;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Chung